

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 3 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Tùng;

2. Ông Lê Dũng Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh TH1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh TH1, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 196/2022/TLST - HNGĐ ngày 31/10/2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Xuân T, sinh năm 1980; Nơi ĐKKHKT: Phòng 1224 HH1A Hồ Linh Đàm, phường HL, quận HM, Thành phố HN. Anh T vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Trịnh Bích H, sinh năm 1980; Nơi ĐKKHKT: Phòng 1224 HH1A Hồ Linh Đàm, phường HL, quận HM, Thành phố HN. Nơi công tác: Trường Trung Học Cơ sở TĐ, huyện TH, tỉnh TH1; Chị H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2022, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trịnh Xuân T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Trịnh Bích H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 3 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Vận, huyện TH, tỉnh TH1; Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ở xã Thiệu Vận, huyện TH đến năm 2010, sau đó anh T chuyển công tác ra HN, năm 2014 vợ chồng chuyển ra HN sinh sống, nhưng chị H vẫn công tác tại Trường THCS TĐ.

Cuộc sống xa cách, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh T nhiều lần, vận động chị H ra HN ở để vợ chồng tiện chăm sóc con nhưng chị H không ra, chị H không phải là người đồng lòng với chồng, trong kinh tế chỉ vun vén cho mình, còn anh T làm ăn thua lỗ thì tự phải chịu; Anh T cho rằng chị H phát ngôn không đúng về việc quan hệ tình

cảm giữa anh T và người khác dẫn đến gia đình mâu thuẫn. Vợ cH đã ly thân là 01 năm, không sinh hoạt gì, hai bên không cải thiện được tình cảm thời gian dài; Nay xét thấy tình cảm vợ cH không còn, anh T đề nghị được ly hôn chị Trịnh Bích H.

Về con chung: Vợ cH có 01 con chung là Trịnh Bảo Trâm, sinh ngày 12/01/2008; Ly hôn anh T đề nghị giao cháu Trâm cho anh T nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/11/2022, tại phiên họp cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Trịnh Bích H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trịnh Bích H và anh Trịnh Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 03 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Vận, huyện TH, tỉnh TH1; Sau khi kết hôn vợ cH chung sống với nhau ở xã Thiệu Vận, huyện TH đến năm 2010 anh T chuyển công tác ra HN, năm 2011 gia đình chuyển khẩu ra HN, năm 2014 cháu Trâm là con ra HN sinh sống, chị H công tác tại Trường THCS TĐ, nhưng hàng tuần vẫn ra HN thăm con cuộc sống vợ cH không có mâu thuẫn gì. Anh T nói vợ cH không chia sẻ về kinh và những mâu thuẫn trên là không đúng. Vợ cH ly thân khoảng 05- 06 tháng, nay anh T xin ly hôn chị H không đồng ý vì tình cảm vợ cH đang còn.

Về con chung: Vợ cH có 01 con chung là Trịnh Bảo Trâm, sinh ngày 12/01/2008; Nếu phải ly hôn, chị H đề nghị giao cháu Trâm cho chị H nuôi dưỡng, bởi vì cháu là con gái, anh T hay công tác xa, hay đi tiếp khách không tiện chăm sóc, chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản: Vợ cH tự thỏa thuận chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa anh T và chị H, về giao nuôi con: Giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Bảo Trâm để tiện trong việc học tập của cháu Trâm và nguyện vọng của cháu Trâm mong muốn ở với anh T, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T; Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Chị Trịnh Bích H và anh Trịnh Xuân T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại HN, tuy nhiên chị H công tác, làm việc tại Trường Trung học Cơ sở TĐ huyện TH, anh T là người khởi kiện vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TH theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T

có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị H lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị H.

[2]. Về hôn nhân: Anh Trịnh Xuân T và chị Trịnh Bích H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn theo như anh T trình bày, chị H cho rằng không có mâu thuẫn; Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng anh T vẫn kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa và đề nghị xét xử vắng mặt; Thời gian dài hai bên không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn để níu kéo hôn nhân, hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi từ khi anh T nộp đơn ly hôn đến nay, ngoài ra trong hồ sơ thể hiện qua các tin nhắn giữa hai bên có mâu thuẫn, nghi kỵ, hiện tại chị H đã chuyển đi nơi khác ở không ở cùng nhà gia đình anh T từ tết âm lịch năm 2023, vợ chồng có một phần mâu thuẫn về kinh tế; Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có mâu thuẫn, hiện tại mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh T và chị H khai vợ chồng có 01 con chung Trịnh Bảo Trâm, sinh ngày 12/01/2008, anh T xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Trịnh Bảo Trâm có ghi họ tên bố là anh Trịnh Xuân T, họ tên mẹ là chị Trịnh Bích H, như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu Trịnh Bảo Trâm, sinh ngày 12/01/2008 là con chung của chị H và anh T.

Anh T và chị H đều đề nghị được nuôi con chung nếu vợ chồng ly hôn; Thấy rằng nguyện vọng về nuôi con của hai bên là chính đáng, Xét điều kiện nuôi con của hai bên đều có thu nhập ổn định, nguyện vọng của cháu Trâm mong muốn ở với anh T để tiện học hành ngoài HN, nên giao cháu Trâm cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình;

Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

[4]. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Trịnh Xuân T được ly hôn chị Trịnh Bích H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trịnh Bảo Trâm, sinh ngày 12/01/2008 cho anh Trịnh Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trịnh Bích H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

3. Về án phí: Anh Trịnh Xuân T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2021/0006031 ngày 31/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, anh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh T, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TH;
- TAND tỉnh TH1;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Hoàng Văn Đạt

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Tùng Lê Dũng Tấn

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Tùng Trần Thị Thịnh

Hoàng Văn Đạt

